

Bản số: 64/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Thái

Ông Trần Trọng Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Th.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Th: Không tham gia – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Th tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐSTHNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q(Nguyễn Thị Bích Q), sinh năm 1969
HKTT: Tổ 04, phường Tân Thịnh, TP Th, tỉnh Th.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Q1, sinh năm 1965
HKTT: Tổ 04, phường Tân Thịnh, TP Th, tỉnh Th.
(Có mặt chị Q, anh Q1 tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:* Chị và anh Bùi Văn Q1 kết hôn năm 1994 có tìm hiểu và ĐKKH tại UBND phường Gia Sàng, thành phố Th.

- Về con chung: Có 02 con chung Bùi Thị Ngọc Linh, sinh năm 1995(đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng) và Bùi Thành Nam, sinh ngày 06/03/2005.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do xin ly hôn là do trong suốt quá trình chung sống có nhiều khúc mắc, anh Q1 và mẹ anh không hiểu chị và không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của chị, chị đã nhẫn nhịn nhiều trong suốt bao nhiêu năm qua, anh Q1 không những không an ủi chị còn nhiếc móc, đối xử với chị không tốt, dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Mâu thuẫn thực sự trầm trọng từ tháng 02/2020 đến nay không hòa giải được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân gần 03 năm nay, nên yêu cầu được ly hôn với anh Q1

Về con chung: Khi ly hôn con lớn sinh năm 1995 đã trưởng thành và xây dựng gia đình, còn con bé Bùi Thành Nam, sinh ngày 06/03/2005 chị yêu cầu được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải bị đơn anh Bùi Văn Q1 trình bày:*
Về thời gian kết hôn và con chung chị Q trình bày như trên là đúng. Về quan hệ vợ chồng: Anh Q1 xác định trong quá trình chung sống đôi khi có nhiều mâu thuẫn khúc mắc xuất phát chính do anh chưa thật sự quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của vợ, nhưng không có việc anh xúc phạm chị Q, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng mong muốn chị Q suy nghĩ lại nếu anh có lỗi với vợ con thì anh xin chị Q tha thứ cho anh, cho anh có cơ hội được sửa chữa sai lầm và thay đổi bản thân mình, quan tâm đến gia đình nhiều hơn, vì con chung anh mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị Q ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, đề nghị được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Trường hợp nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng, cháu Bùi Thành Nam, sinh ngày 06/03/2005. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án, đã tiến hành hòa giải cho hai bên đương sự nhưng chị Q vẫn dứt khoát ly hôn, anh Q1 không nhất trí ly hôn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được với các đương sự.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị Q vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Q1 xác định vợ chồng không còn tình cảm. Về con chung: Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Bùi Thành Nam. Về tài sản chung: Chị xác định tài sản chung của vợ chồng bao gồm 01 mảnh đất, trên đất có nhà, 01 xe ô tô. Khi ly hôn anh Q1 sử dụng toàn bộ tài sản trên và có trách nhiệm trích chia tài sản cho chị 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), nếu anh Q1 không nhất trí chị yêu cầu

chia tài sản theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh Q1 không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dưỡng con chung. Trường hợp phải ly hôn, anh cũng yêu cầu được con chung Bùi Thành Nam. Về tài sản chung anh xác định đất là của anh được đơn vị anh phân cho anh từ trước khi kết hôn với chị Q, còn nhà và xe ô tô là tài sản chung, nếu chị Q nhất trí thì anh sử dụng toàn bộ tài sản trên, sẽ trích chia cho chị Q 350.000.000 đồng(ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm Q1 giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Th.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Văn Q1 kết hôn năm 1994 có tìm hiểu và ĐKKH tại UBND phường Gia Sàng, thành phố Th, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị Q là do trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh Q1 không quan tâm, lo lắng cho chị, chị bị gia đình nhà chồng không thông cảm, đối xử với chị không tốt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Q1. Anh Q1 cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, không có việc như chị Q trình bày, anh xác định vẫn còn tình cảm mong muốn chị Q, mong chị suy nghĩ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên cùng suy nghĩ nhưng chị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Q1 xác định vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dung là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung: Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1995(đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng) và Bùi Thành N sinh ngày 06/03/2005.

Tại phiên tòa chị Q và anh Q1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhỏ Bùi Thành Nam, sinh ngày 06/3/2005, con lớn đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử thấy: Về con lớn đã trưởng thành và có gia đình riêng, Về con nhỏ Bùi Thành Nam quá trình giải quyết vụ án có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được với bố là anh Q1. Tại phiên tòa, do chị Q, anh Q1 đều có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa xét xử cháu Nam có mặt và có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có Q quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và Q1 của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào Q1 lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. ...”.

Xét thấy tại phiên tòa nguyện vọng của cháu Nam tha thiết xin được ở với mẹ, nên cần thiết giao con Bùi Thành Nam cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Đôi bên tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung, nợ chung:** Quá trình giải quyết vụ án do chị Q và anh Q1 yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị Q yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh Q1 đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Q và anh Q1 không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ có Q quan đến tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết tài sản chung trong vụ án này, cần tách ra để giải quyết trong vụ án khác khi các đương sự có đầy đủ tài liệu chứng cứ và có đơn yêu cầu khởi kiện.

[5]. **Về án phí:** Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được Q1 kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q, cho chị Q được ly hôn với anh Bùi Văn Q1

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thành N sinh ngày 06/03/2005 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến

khi có sự thay đổi khác. Anh Q1 có Q1 thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Không xem xét do các bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Án phí: Chị Q phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003154 ngày 22/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th.

Chị Q và anh Q1 có mặt tại phiên tòa có Q1 kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH
TỈNH TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Th, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

* *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Th, tỉnh Th.

Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Th, tỉnh Th.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được Q1 đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có Q1 kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có Q1 kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA